

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 33

- Kinh Đại thừa Tạo Tượng Công Đức hai quyển - Tuệ Lâm soạn.
Kinh Lục Độ Tập - tám quyển - Huyền Ứng.
Kinh Thái tử Tu Đại Noa - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Cữu Sắc Lộc - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Bồ tát Siểm Tử - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Siểm Tử - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Thái tử Mộ Phách - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Thái tử Dục Phách - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Vô Tự Bảo Khiếp - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại thừa Lý Văn Tự - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại thừa Biến Chiếu Quanh Minh - một quyển - không.
Kinh Lão Nữ Nhơn - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Lão Mẫu - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Lão Mẫu Lục Anh - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Nguyệt Quang Đồng tử - một quyển - Huyền Ứng.
Kinh Thân Nhật Nhi - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Trưởng giả Tử Chế - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Bồ tát Thệ - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Văn Thù Vấn Bồ đề - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Già-a Sơn Đảnh - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Tượng Đầu Tịnh Xá - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Đại thừa Già-da Sơn Đảnh - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Độc Tử - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Nhũ Quang Phật - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Vô Cấu Hiền Nữ - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Phúc Trung Nữ Thính - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Vị Tăng Hữu - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Thâm Hy Hữu - một quyển - Tuệ Lâm.
Kinh Chuyển Nữ Thân - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Vô Thượng Y - hai quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Quyết Định Tổng Trì - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Báng Phật - một quyển - Tuệ Lâm.

Kinh Bảo Tích Tam muội - một quyển - Tuệ Lâm.

Bên phải ba mươi lăm kinh bốn mươi bốn quyển đồng âm quyển này.

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC

Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Vấn trụ: Ngược lại âm trên là quân thuận. Ngược lại âm dưới là duy loại. Theo Thanh Loại cho rằng: vẫn là chìm đắm, trụ lạc rơi vào hố sâu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: rơi vào dòng suối cạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc thanh viên, hoặc viết từ bộ phủ viết thành chữ vẫn không dùng, âm ngọc là âm tàn, chữ trụ. Văn Tự Điển nói rằng: trụ là từ trên cao rơi xuống, chữ viết bộ phủ đến bộ trụ thanh tĩnh, âm trụ là âm trụ, hoặc là viết chữ trụ này.

Ám như: Ngược lại âm trên là áp lam. Vương Túc chú giải sách Gia Ngữ rằng: ám là tối đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: là không trong sáng, nhuộm màu đen. Chữ viết từ bộ hắc thanh ám.

Thuần khuynh: Ngược lại âm trên du nhuận. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: muôn đời giống như một cái chớp mắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuận gọi là chớp mắt nhiều lần, chữ viết từ bộ mục thanh thuận hoặc là viết từ bộ dần viết thành chữ thuận.

Húc nhục: Ngược lại âm trên là hu ngọc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: húc gọi là mặt trời bắt đầu mọc, mặt trời to tròn cũng gọi rạng sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: húc là mặt trời vừa mới mọc. Chữ viết từ bộ nhục thanh cứu.

Tân phân: Ngược lại âm trên là thất tân. Ngược lại âm dưới phần vẫn. Trước kinh Di Lạc Hạ Sanh Thành Phật đã giải thích rồi.

Vân ế: Ngược lại âm dưới khẩn kế. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trời âm u mà có gió gọi là ế. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: có mặt trời mà vẫn âm u. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh ế, âm khẩn ngược lại âm ẩn hề.

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC QUYỂN HẠ

Hội sức: Ngược lại âm trên là hồi ngoại. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hội đó là gom đủ năm màu sắc mà vẽ thành bức họa. Trịnh Tiễn chú giải sách Luận ngữ rằng: hội là vẽ cho có vân đường sọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh hội. Kinh văn viết từ bộ quý viết thành chữ hội. Ngược lại âm quì vị, nghĩa sợi tơ nhiều đem dệt, chẳng phải nghĩa kinh. Ngược lại âm dưới là thăng chức. Sách Khảo Thanh cho rằng: trang sức. Văn Tự Điển nói rằng: trang điểm cho đẹp. Chữ viết từ bộ thực hành cân, âm thực là âm tự.

Manh miểu: Ngược lại âm trên là mạc canh. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt không có con người, gọi là manh. Chữ viết từ bộ mục thanh vong. Âm mâu là âm mâu, ngược lại âm dưới miên tiểu. Sách Chu Dịch cho rằng: miểu là có thể nhìn thấy, nhưng không đủ sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt nhỏ, chữ viết trừ bộ mục thanh thiếu.

Lung hội: Ngược lại âm trên là lộc đông. Tả Truyện cho rằng: tai không nghe năm âm thanh hòa là gọi là lung. Thiên Thương Hiệt cho rằng: lung gọi là tai không nghe. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: không nghe. Từ bộ nhĩ thanh long. Ngược lại âm dưới là ngoan quái. Sách Quốc ngữ cho rằng: lung hội là không thể nghe tiếng. Giã Quỷ chú giải rằng: khi sanh ra mà đã không nghe gọi là hội. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ nhĩ thanh hội.

Oa tà: Ngược lại âm trên khổ quái, lại âm khoa. Sách Khảo Thanh cho rằng: oa là bệnh thiên lệch, méo sệt một bên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh oa, âm oa là âm nguyên.

Thuần sáp: Ngược lại âm trên thất tuấn. Bì Thương cho rằng: thu-ân là da bị nứt nẻ. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: bì đó gọi là da bị nhăn lại. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ bì đến chữ tuấn, thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là tham lập. Trước kinh Lạc Anh Lạc Trang Nghiêm đã giải thích rồi.

Lưu Ánh: Ngược lại âm trên là lưu. Cố Dã Vương cho rằng: lưu là khối u sưng liên kết lại không vỡ tan ra được. Sách Liệt nữ truyện cho rằng: nước Tề có một nhà người con gái bị bệnh khối u sưng lên. Ngược lại âm dưới là anh trình. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh bứu cổ, cổ bị sưng lên; chữ viết đều từ bộ tật đều là thanh lưu anh.

Âu lữ: Ngược lại âm trên là vu vũ, ngược lại âm dưới là lực chủ. Trước kinh Đại Oai Đẳng Quang Tiên Nhon Vấn Nghi đã giải thích

rồi.

Ban bác: Ngược lại âm trên bát lạc. Ngược lại âm dưới bang mạc. Sách Hán Thư cho rằng: trắng đen lại hòa trộn gọi là bác. Sách Thuyết Văn cho rằng: màu sắc không thuần nhất, chữ viết từ bộ mã thanh hào. Ngược lại âm hiệu giao. Kinh văn viết từ bộ giao viết thành chữ giao văn thường hay dùng.

Tiên bả: Ngược lại âm trên liệt viên. Theo Thanh Loại cho rằng: tiên là bệnh nấm trên da dần dần lan to ra rất ngứa. Sách Khảo Thanh cho rằng: bệnh nấm ở tay chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tật thanh tiên. Ngược lại âm dưới là ba khả. Khảo Thanh cho rằng: bả là bị thọt chân. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi không có vững; chữ viết từ bộ túc bộ ba thanh tĩnh.

Dung trường: Ngược lại âm trên ung long. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: dung là đồng nhau, dung hòa. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: dung gọi là đều nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: dung là quân bình, ngay thẳng; chữ viết từ bộ nhơn thanh dung.

Quảng ngược: Ngược lại âm trên hoạch quang: sách Khảo Thanh cho rằng: quảng là bệnh. Ngược lại âm dưới ngưỡng lược. Sách Chu Lễ cho rằng: mùa thu thường hay có bệnh sốt rét. Sách Nguyệt Lĩnh cho rằng: bệnh hàn nhiệt, khiến cho con người không có tiết ra nhiều mồ hôi cho nên thành bệnh sốt rét. Văn Tự Điển cho rằng: ngược là bệnh sốt rét. Chữ viết từ bộ tật đến bộ ngược, ngược cũng là thanh ngược.

Phế hà: Ngược lại âm trên bổ phệ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: phế gọi là trừ bỏ đi người cộng sự, người làm việc cho mình. Sách Thuyết Văn cho rằng: phế là bệnh không thể chữa khỏi; chữ viết từ bộ tật thanh phát. Ngược lại âm dưới là hách da. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: bệnh gây ốm. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: chứng bệnh phổi nên gây ốm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh hà.

Nuy tích: Ngược lại âm trên ủy qui. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: nuy là bệnh vàng da. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: nuy là bệnh liệt, gân thịt mềm nhũn không thể đi được. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh tê bại tê liệt. Chữ viết từ bộ tật thanh ủy, hoặc là viết từ bộ ngạc viết thành chữ nuy, âm ngạc là âm tàn. Ngược lại âm dưới là tinh diệc. Cố Dã Vương cho rằng: tích đó gọi là chân nghiêng khô cứng không thể đi được. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích cũng gọi là người không thể đi được. Chữ viết từ bộ túc thanh tích. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoặc là viết từ bộ chỉ viết thành chữ tích này cũng thông dụng.

Bính thạch: Ngược lại âm trên là tích mãnh. Bì Thương cho rằng: bính là chạy tán loạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: bính là tán loạn, tung tóe. Chữ viết từ bộ xước thanh tinh, âm xước. Ngược lại âm sửu lược. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ viết từ bộ túc viết thành chữ bính này cũng thông dụng.

Ngoan độn: Ngược lại âm trên ngũ quan. Ngược lại âm dưới đồn nộn. Theo Tả Truyện cho rằng: người mà tâm không lường được nghĩa đức kinh gọi là ngoan. Quảng Nhã cho rằng: ngoan cũng gọi là độn. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: độn ngoan là ngu ngốc. Sách Hoài Nam Tử ghi rằng: độn là sự thấy biết tối tăm, ô trọc vẫn đục. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngoan viết từ bộ hiệt thanh nguyên chữ độn viết từ bộ kim thanh độn.

KINH LỤC ĐỘ TẬP - *Huyền Ứng soạn.* QUYỂN 1

Chúng hựu: Ngược lại âm can cứu. Danh hiệu của Đức Thế Tôn nói rằng: có đức chúng thì tự có sự bảo hộ. Hựu cũng giống như trợ, phò trợ, tiếng Phạn là bà-già-bà, nói cho đúng là bạc-già-phạm.

Sang sừ: Ngược lại âm lạc lưu. Sách Thượng Thư nói rằng: Vũ Vương ngày hôm sau khỏi bệnh, giống như là kém từ từ khỏi bệnh hẳn.

Bần lữ: Ngược lại âm cụ cụ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nghèo cùng cực thiếu thốn. Theo truyện cho rằng: lữ đó là không có lễ nghĩa. Tự Thư cho rằng: lữ là trống rỗng. Tam Thương cho rằng: không có tài sản dự bị cho lễ nghĩa gọi là lữ.

Chiên ngư: xưa nay viết chữ chiên nay cũng đồng. Ngược lại âm tri liên. Loại cá, vi cứng, thân dài sáu bảy thước đến hai trượng, lưng màu như nước trà h ới vàng tro, thịt tanh, miệng cổ dưới rất lớn, sống gần biển.

Cấu hạng: Ngược lại âm cổ hạng, gọi là tu đà hoàn. Đây nói là bến cảng, cửa bể giao thương buôn bán, người qua lại, hoặc là nói đến bờ sông cửa cửa biển, nơi có thể đậu thuyền. Nay nói cấu hạng đó là lấy tên của con sông, nơi chỗ đậu thuyền.

Tần lai: đây là nói sai, viết đúng là đốn lai.

Duyệt ức: Ngược lại âm tha hoạt. Quảng Thất cho rằng: duyệt là

có thể vừa lòng.

Khoa tẩu: Theo Thanh loại viết chữ quá cũng đồng. Ngược lại âm khẩu hòa Tự Thư cho rằng: khoa là các học trong hang, cái tổ chim. Kinh văn viết chữ khoa này là sai vậy.

Đức thao: Ngược lại âm thổ lao, gọi là cái bao, vỏ đồ cất chứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái bao kiến.

Độc chậm: Ngược lại âm trừ cấm. Loại chim lớn như chim điều màu sắc tím xanh, cổ dài, mỏ đỏ hay ăn thịt rắn. Lông của chim này lấy ngâm trong rượu uống vào là chết tức thì.

Phiên bình: Ngược lại âm phủ viên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: phiên là che đậy, bình là bức tường ngăn, phiên là che chắn cách ngăn. Sách Chu Lễ nói rằng: ngoài Cửu châu là nước Phiên.

Chước nhiệt: Ngược lại âm chi nhược. Quảng Thất cho rằng: đốt lửa cháy bùng lên, cũng gọi là sáng rực rỡ.

KINH LỤC ĐỘ TẬP QUYỂN 2

Độn mại: Lại viết chữ độn này cũng đồng. Ngược lại âm đồ đốn. Quảng Nhã cho rằng: độn là trốn tránh, bỏ trốn nơi xa, bỏ đi. sách Thuyết Văn cho rằng: dời chuyển đi, cũng gọi là thối lui trở về, ẩn trốn. Ngược lại âm dưới là mạc giới. Quảng Nhã cho rằng: mại qua lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: đi rất xa.

Vô dạng: Ngược lại âm dư hương. Nhĩ Nhã cho rằng: dạng là lo buồn. Quách Phác cho rằng: nay người ta gọi là vô dạng là không lo buồn, không việc gì hết.

Áo y: Ngược lại âm ư lục, ngược lại âm dưới là ư kỳ. Bì Thương cho rằng: trong lòng bi thương, cũng là tiếng thở than đau khổ. Kinh văn viết chữ hựu úc hai chữ tượng hình này là chẳng phải.

Giới ngôn: Ngược lại âm hồ giới. Sách Vận Tập cho rằng: tỏ ý kinh ngạc. Thiên Thương Hiệt cho rằng: lời trách mắng tiếng nổi giận la hét. Văn thông dụng viết chữ hy nói lớn, giống như mắng vì giận, mắng mỏ, tiếng kêu gọi, trách giận đều là vậy.

Tể quĩ: Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ tể này cũng đồng. Ngược lại âm bế thế. Té ngã phốc xuống, ngã nghĩa đốn ngang chặt ngang, đoạn (T527)lìa, nghĩa là ngã chết giữa đường.

Phi chích: Ngược lại âm Chi thạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: bàn chân, nay đều viết chữ chích này.

Quát nhĩ: Ngược lại âm công hoạt gọi là la hét inh ỏi. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nhiều loạn, inh ỏi ồn ào, bên tai. Quảng Nhã cho rằng: la hét làm giật mình kinh động.

Ướng dưỡng: Ngược lại âm ư lượng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: công việc bận rộn của vua. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mất đi sự dung hòa. Trịnh Tiển lại cho rằng: ớng là gánh vác trên vai, dời đổi chuyển giao, lấy làm điều hành công việc gọi là bận rộn.

Quyết từ: Ngược lại âm cổ huyết. Văn thông dụng ghi rằng: nói lời chia tay với người sắp chết gọi là quyết. Theo Văn Tự Lập cho rằng: chia tay mãi mãi.

Đức huy: Ngược lại âm hư quy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: huy là khéo léo. Sách Thượng Thư cho rằng: xưa nói huy là thông suốt ngũ điển. Vương Túc cho rằng: huy là tốt đẹp, huy hiệu tốt đẹp.

Xung xung: Ngược lại âm xướng cang. Sách Thuyết Văn cho rằng: xung là ý không định. Quảng Nhã cho rằng: xung xung là qua lại, tối lui. Chữ viết từ bộ đồng. Kinh văn viết từ bộ tâm đến bộ trọng, viết thành chữ trung, chữ này cùng với chữ xung không đồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ trung là nghĩa chậm chạp, chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Trọng lư: Ngược lại âm trúc dung, văn thông dụng cho rằng: nhiều sữa gọi là trọng. Nay người Giang nam cũng gọi sữa là trọng.

Phanh nhiên: Lại viết chữ tinh cũng đồng. Ngược lại âm phi manh. Tự Thư cho rằng: Âm thanh nước vỗ vào đá âm âm.

Thọ đạm: Lại viết chữ cảm cũng đồng. Ngược lại âm đạt lam, đạt cảm, hai âm. Quảng Thất cho rằng: đạm là cho ăn. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạm là nhai, cũng gọi là cùng ăn với nhau.

Sầm nham: Ngược lại âm sĩ lam. Quảng Thất cho rằng: sầm nham là núi cao, cũng gọi là giữa vách núi cao mà hiểm trở. Kinh văn viết chữ sầm. Ngược lại âm thập kim, sầm sầm là núi cao.

Tôn tiểu: Sách Thuyết Văn viết nhiều cũng đồng. Ngược lại âm sĩ giao, gọi là rất nhanh. Quảng Thất cho rằng: vượt qua rất nhanh, đánh thắng trận. Theo Thanh Loại cho rằng: nhanh chân lên phía trước. Kinh văn viết chữ tiểu này là chẳng phải.

Tập tàng: Ngược lại âm hạt lập. Sách Thuyết Văn cho rằng: cất chứa binh khí, cấm cất chứa đao kiếm, tập tụ.

KINH LỤC ĐỘ TẬP QUYỂN 3

Chủ chủy: Ngược lại âm chi thùy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lo nơm nớp. Quách Phác chú giải rằng: lo sợ, gọi là lo sợ nguy hiểm.

Kháp kháp: Ngược lại âm khổ hạp gọi là kháp kháp là dụng tâm vừa đúng vừa vặn.

Hành bế: Ngược lại âm bổ nghệ. Quảng Nhã cho rằng: bế là thân thích yêu chiều, cũng gọi là được sủng ái, yêu mến. Sách Ích Pháp ghi rằng: người thấp hèn mà được yêu mến gọi là bế. Giải thích tên gọi là bế đó tức là thấp hèn, hạ tiện, lấy nhan sắc để lừa dối người, mà được yêu chiều, sủng ái, yêu mến đó gọi là bế.

Vẫn hạ: Ngược lại âm vu mẫn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: vẫn là từ trên cao rơi xuống, gọi là người đọa lạc, bại hoại, hư hỏng.

KINH LỤC ĐỘ TẬP QUYỂN 4

Trở hã: Ngược lại âm trên trắc lữ. Sách Tự Thư cho rằng: thịt có bắp. Ngược lại âm dưới hồ cải. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: gọi là thịt băm nhuyễn. Quách Phác chú giải rằng: tức là thịt làm tương là vậy.

Thao san: Văn cổ viết hao thao hai chữ này cũng đồng. Ngược lại âm thảo cao. Âm dưới lại viết san cũng đồng, ngược lại âm thiên kiết. Sách Thuyết Văn cho rằng: tham lại gọi là tham tài của cải gọi là thao tham ăn gọi là san.

Bế thiếp: trước quyển thứ ba đã giải thích rồi. Kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ bế là chẳng phải vậy.

Nhu độc: Văn cổ viết sừ sữ hai chữ cũng đồng. Ngược lại âm nhi cứu. Văn thông dụng cho rằng: món ăn pha trộn gọi là nhu, tức là tạp loạn, lẫn lộn.

Cao tức: Ngược lại âm hứa khốc. Bì Thương giải thích rằng: nóng nhiệt, lửa cháy đỏ rực, cháy dữ dội.

Cừu hám: văn cổ viết truật cũng đồng. Ngược lại âm cựu ngư. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cừu là thù hận, oán hận gặp nhau gọi là cừu. Ngược lại âm dưới là hồ ám. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: hám là không hài lòng chất chứa oán hận trong lòng.

Chúng táo: Ngược lại âm tiên áo. Sách Thuyết Văn cho rằng: bầy chim kêu hót.

Sâm nhiên: ngược lại âm sở kim. Sách Thuyết Văn cho rằng: rừng nhiều cây mọc dài.

Bộ thương: Ngược lại âm bại giai. Sách Phương Ngôn cho rằng: bộ là cái bè tre. Người phương Nam gọi bộ, bè tre, người phương Bắc gọi là phiệt.

Chơn ngạn: Ngược lại âm nghi tiển. Sách Thuyết Văn cho rằng: lời nói được lưu truyền, gọi là tục ngữ. chân cũng giống như thật vậy. Lời nói câu tục ngữ liễu đạt chân thật. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ ngạn này là sai vậy.

Nhiếp kinh: Theo Thanh loại viết chữ nhiếp này cũng đồng. Ngược lại âm chỉ diệp. Quảng Nhã cho rằng: nhiếp là sợ hãi. Tự Thư cho rằng: nhiếp là thất thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: trong lòng kính phục, khiếp phục.

Trừ bộ: Ngược lại âm trực ư. Sách Thuyết Văn cho rằng: trừ trừ, do dự.

Tí côn: Âm dưới viết côn. Lại viết quán cũng đồng. Ngược lại âm qua hôn.

Ngao ngao: Lại viết chữ ngao này cũng đồng. Ngược lại âm ngũ cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiều tiếng khóc than buồn bã. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tiếng chim kêu ảo não. Theo truyện cũng cho rằng: đến được an ổn tập hợp lại than thở.

Trách trước: Văn cổ viết chữ thác cũng đồng. Ngược lại âm trúc cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là căng ra, mở ra. Hán Thư cho rằng: trong cảnh kỷ là mỗi hai năm sửa đổi hình phạt một lần đó gọi là khí là bỏ đi, trừ bỏ, ồn ào náo nhiệt.

Chỉ hoắc: Ngược lại âm khổ học. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoắc là đánh gõ. Kinh văn viết chữ giác này là chẳng phải, chữ xác này dùng nghĩa là kiên cố bền chắc. Ngược lại âm hồ giác, xác này nghĩa là đất mỏng, đất không có phù sa màu mỡ.

Tử giác: Âm nam. Sách Nhĩ Thất cho rằng: giác là cây mai. Sở Quang chú giải rằng: ở Kinh châu gọi là cây mai, ở Dương châu gọi là cây giác, ở Ích châu gọi là cây xích biên, lá nó giống cây dương, không có trái hột.

KINH LỤC ĐỘ TẬP QUYỂN 5

Xung xung: Lại viết chữ xung này cũng đồng. Ngược lại âm chúc dung. Sách Phương Ngôn cho rằng: lay động, lắc lư.

Đồng hoa ảm đạm liễu trinh xung.

Trì đối khinh ba liễu đối phong.

(Nguyên Chấn).

Ngô đồng ảm đạm liễu phát phơ

Mặt ao gợn sóng, gió vờn dương.

Kinh văn viết chữ dung này là chẳng phải.

Để các: Ngược lại âm đình lễ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: để là nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: Thuộc nhà của triều đình (Quốc xá), thuộc nhà của quốc gia.

Cổ quăng: lại viết chữ cổ này cũng đồng. Ngược lại âm công hộ, âm dưới lại viết trúc hoăng. Văn cổ lại viết hoăng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cổ là xương đùi, bốn kinh gọi là cổ. Quăng Nhã cho rằng: cánh tay gọi là quăng.

Phó địa: Ngược lại âm bổ bắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: phó là đốn té ngã ngựa, gọi là che chắn phía trước, chẳng thấy nên vấp té ngã.

Hú mặt: Ngược lại âm vu củ vu câu hai âm, gọi là hà hơi; tâng bốc người lên gọi là xuy hư. Sách Lễ Ký cho rằng: hú là chỉ cho trời đất sinh dưỡng vạn vật. Trịnh Huyền cho rằng: dùng khí gọi là hú, dùng thân thể gọi là khu âm hu, ngược lại âm hủ câu.

Thí hồ: Ngược lại âm cổ hồ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: giăng lưới bắt cá gọi là hồ. Quách Phác chú giải rằng: hồ là cái lưới lớn rộng.

Thóa chi: Ngược lại âm thiên ngoạ, thóa cũng giống như là chém chặt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chém bị thương. Kinh văn viết từ bộ thủ, viết thành chữ tỏa, này nghĩa là làm nhủc, chẳng phải nghĩa kinh.

Quyên áp: Ngược lại âm ư duyên. Theo Thanh loại cho rằng: quyên là buồn rầu, ưu sầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyên là tức giận, nói lời đau thương, sầu khổ, phần uất.

Mã tích: Lại viết chữ hai chữ tích này cũng đồng. Ngược lại âm tử diệc, chữ tích này cũng giống như dấu tích vết chân còn lưu lại, cũng như chiếc xe lăn bánh còn để lại dấu tích của bánh xe.

Trách tụyệt: Nay viết chữ trách này cũng đồng. Ngược lại âm trắc cách, trách cũng giống như đè nén ép xuống. Nay gọi là chậ hẹp chèn ép nên xuất mồ hôi.

KINH LỤC ĐỘ TẬP QUYỂN 6

Thiết đôi: Ngược lại âm đồ đối. Sách Thuyết Văn cho rằng: đôi là cây vòng sắt tán ở đầu cán để siết chặt cái đuôi của cây mâu kích. Kinh văn viết chữ thuận, ngược lại âm thị quân, thuận tên một loại nhạc khí cổ, hình như cái cối trên lớn dưới nhỏ, dùng để hòa với trống, âm bị ngược lại âm phủ bị, là chuôi của cây kích.

Yến đình: Ngược lại âm ô dữ, ngược lại âm dưới là đồ điển. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng gọi là thủ cung là con thần lẩn ở vách tường, hoặc gọi bích, tức con thần lẩn thường trong cỏ, gọi tích dịch tức là con rắn mối. Kinh văn viết chữ yến chân, chẳng phải thể chữ vậy.

Ngoa bệnh: Lại viết chữ ngụy hóa cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ngũ hòa. Theo Mao Thi Truyện chẳng: nói lời lừa dối dân chúng. Trịnh Tiễn cho rằng: ngoa là giả dối lừa bịp cũng gọi là lừa bịp, đối trá không chơn thật.

Khiển tụy: Ngược lại âm suy chiến. Quảng Nhã cho rằng: khiển là quả trách. Sách Thuyết Văn cho rằng: tra hỏi phạt tội, chỉ trích. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khiển trách, la mắng. Âm tụy ngược lại âm tư tụy. Tụy tức là quỷ thần gây họa.

Mộ tập: Ngược lại âm tầm lập, gọi là thói quen làm nhiều lần. Kinh văn viết chữ siểm. Ngược lại âm thương hiệp sữ hiệp hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: siểm là nói mãi. Theo Thanh Loại cho rằng: nói mãi không dừng nghỉ.

Dĩ lộ: Ngược lại âm lực cố. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: đưa tặng nhiều vàng bạc phương Nam. Theo truyện cho rằng: lộ là đưa tặng quà, đút lót, để nhờ vả một việc gì. Cũng gọi là vật nói rõ việc cầu xin, báo cáo lên.

Sắc đồng: Lại viết đại hội đằng ba chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm đồ đặc. Sách Nhĩ thất cho rằng: loài sâu bọ ăn lá cây, gọi là sắc. Kinh văn viết chữ viên ngược lại âm cư viện. Sách Phương Ngôn cho rằng: ấu trùng loại bọ cam ở Từ Quan Đông cho rằng: ấu trùng trứng của con châu chấu là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Phiên cổ: Lại viết chiêu đào cổ ba chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm đồ cao, bắc giống như cái trống mà nhỏ hơn, cầm giữ có cái cán ngoài lắc lư, một bên gọi là tự động đánh. Sơn Đông gọi là cái trống ở nhà lao.

KINH LỤC ĐỘ TẬP QUYỂN 7

Túc chích: Ngược lại âm chi thạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chích là bàn chân dưới. Nay cũng viết chữ chích nay. Kinh văn viết chữ chích này chẳng phải chánh thể.

Niết tiếp: Ngược lại âm nô hiệp. Ngược lại âm dưới hiệp, gọi là niết tức nặn, nắn tượng tiếp từ bộ hỏa đến bộ diêm viết thành chữ tiếp, nghĩa là điều hòa, nhiệt độ điều hòa.

Khô giải: Ngược lại âm khẩu hồ. Khô gọi là mổ phanh, moi móc trong bụng. Sách Thuyết Văn cho rằng: tách ra. Sách Phương Ngôn cho rằng: khô là giết mổ con thú. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khô giết mổ, âm thú là âm thích.

Kiên triệu: Ngược lại âm trị nhiều. Tỏa Quảng Sung tìm bức triệu dài đốt sáng lên. Sách Lễ Ký cho rằng: loại cờ dùng lụa màu đen trên có hình rùa, rắn, treo lên làm lá cờ cán cong, treo nơi vùng hẻo lánh. Vùng biên giới. Trịnh Huyền cho rằng: giống như treo lá cờ này để tránh tai nạn.

Khiêu tuần: Lại viết chữ diêu nay cũng đồng. Ngược lại âm cổ nhiều cổ điệu, hai âm, âm dưới lại viết tuần cũng đồng. Ngược lại âm tự tuần. Tuần hành nơi biên giới che chắn giặc. Âm nghĩa sách Hán Thư cho rằng: gọi là đi du tuần nơi biên giới ngăn kẻ trộm, giặc cướp.

Mộc cảnh: Ngược lại âm da hạnh. Sách Trang Tử cho rằng: cành cây, cuống lá. Thổ cảnh Nhĩ, Tư Mã Bưu cho rằng: thổ cảnh, thổ nhờn, mộc cảnh cũng gọi là mộc nhờn nhĩ, cây thổ mộc. Loại cây mộc tương ngẫu, gọi là loại thực vật cây giống như hình người đều gọi là ngẫu.

Kiên đức: Hoặc nói là kiên trắc tha ca, dịch là nạp.

A-đàm: Ngược lại âm đồ nam.

KINH LỤC ĐỘ TẬP QUYỂN 8

Đầu mạc: Trước không có âm, giải thích văn còn thiếu.

Sấn xỉ: Ngược lại âm sơ phẫu. Hủy cái răng sữa gọi là sấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: đứa bé trai tám tháng mọc răng, đến tám tuổi là thay răng, đứa bé gái bảy tháng mọc răng, đến bảy tuổi hủy bỏ cái răng

sữa gọi là xỉ, chữ từ bộ xỉ thanh sấn.

Phao bát: Ngược lại âm phổ giao, phao là ném, vất bỏ. Bì Thương cho rằng: là đánh gỗ, cũng gọi vất bỏ tài sản.

Chí nhiên: Lại viết vị cũng đồng. Ngược lại âm khẩu quý, khẩu quái, hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng thở mạnh. Sách Luận ngữ cho rằng: vị nhiên, tiếng Phạn của Hà Yến, tiếng than thở bùi ngủi.

Lệ trùng: Ngược lại âm lực chế. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc (T528) loài trai ở trong biển giống như con sò người ta có thể ăn được.

Viết-nam: tiếng Phạn, tên của vua Chuyển Luân Thánh Vương.

Hàng dưỡng: Ngược lại âm trên hà lãng. Âm dưới là dưỡng, đều là chữ tượng thanh. Sách Sở Từ cho rằng: kháng dưỡng mà không thể trì trệ trể nãi. Vương Dật chú giải rằng: hàng dưỡng cũng giống như gió to sóng lớn dâng rất cao. Kinh văn viết quang dưỡng. Ngược lại âm quang dưỡng đều là chữ bình thanh. Chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Chích ông: Ngược lại âm chi thạch, gọi là thêm vào, thêm vào đôi giày cho Lão ông.

Hài yên: Ngược lại âm hồ đại văn thông dụng cho rằng: tai nạn sâu lo, buồn bã gọi là hài, hài cũng gọi là khổ, hài cũng gọi là oán hận.

Quyên thống: Ngược lại âm ô huyền, gọi là tay chân đau nhức. Sách Trương Tập Tự cho rằng: thống là bệnh ngứa, quyên là bệnh đau nhức, chân mỗi. Trong kinh viết chữ quyên này cũng đồng.

KINH THÁI TỬ TU ĐẠİ NOA - *Huyền Ứng soạn.*

Đàn-đặc sơn: hoặc nói Đan-đa-la-ca sơn, hoặc gọi là Đàn-đà sơn. Đây dịch là núi âm.

Tu-đại-noa: Ngược lại âm nữ da, hoặc nói là tu-đạt-noa, hoặc nói là Tô-đà-sa-noa, đây dịch là thiện, cũng gọi thiện thí hay ban cho.

Thương thiên: Ngược lại âm thố lãng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Quan Tâm là ông trời. Lại chú giải rằng: vạn vật sanh đều do ông trời, tự thiện thương nhiên.

Ngạc nhiên: Tự Thư cho rằng: hoặc là viết ngạc cũng đồng, ngược lại âm ngũ các, gọi là kinh ngạc.

Vi xí: văn cổ viết chữ chí cũng đồng. Ngược lại âm xích chí. Lá cờ phất phơ, văn thông dụng Tự Ký ghi rằng: cờ xí. Quảng Nhã cho rằng:

cái phướn, cái phan. Sách Mặc Tử ghi rằng: đó là lá cờ dài một trượng năm thước rộng nửa bức.

Quyên phi: Ngược lại âm nhất tuyên. Tự Lâm cho rằng: quyên phi là loài côn trùng bò lút nhút. Dưới sách cổ viết chữ phi nay đều viết chữ phi này cũng đồng. Ngược lại âm bổ vi phi cũng gọi là phi dương tức là con gián.

Hâm ngâm: Ngược lại âm khứ hàm khứ ngâm, hai âm. Ngược lại âm dưới là ngữ hàm nghi kim. Quảng Nhã cho rằng: hâm ngâm là cao ngất, cũng gọi là thế lực cao vùng đất núi cao hiểm trở.

Tha nga: Ngược lại âm tài hà. Ngược lại âm dưới ngã đa. Quảng Nhã cho rằng: tha nga là núi cao mà lởm chởm. Sách Sở Từ chú giải rằng: núi cao chót vót lởm chởm che khuất gọi là tha nga.

Tam truy: Ngược lại âm trực truy. Sách Thuyết Văn nói rằng: xuất ra trên trán. Nay người Giang nam nói truy là da đầu trên trán, lấy làm gối kê lên phía sau gáy cho cao lên, tên là chằm. Kinh văn viết chữ truy này chưa thấy chữ xuất ra từ sách nào.

Thần xỉ: Ngược lại âm đình khải. Quảng Nhã cho rằng: di là xấu xí. Dáng mạo xấu xí, kinh văn viết chữ xỉ, ngược lại âm sung nhĩ sữ á, hai âm chẳng phải nay dùng.

Đột kham: Ngược lại âm đồ kiết. Bao Phác Tử viết chữ đột nghĩa đột là nổi lên. Thiên Thương Hiệt viết chữ đột này nghĩa là không bình thường. Kinh văn viết chữ đột này chẳng phải thể. Âm dưới là khoang. Bì Thương cho rằng: khoan là xương khu. Sách Thuyết Văn cho rằng: xương bắp đùi trên.

Hạ dương: Ngược lại âm dư dưỡng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con bọ chét, chữ viết từ bộ trùng. Nay đều viết chữ dưỡng chữ âm gần giống. Lại cũng viết chữ dương này, lại âm tợ dương, dương tên của một bệnh ngứa chẳng phải chữ của nghĩa kinh.

Thị Tĩnh: Ngược lại âm tử trình. Sách Chu Lễ cho rằng: chín nhà làm tĩnh vuông là một dặm. Bạch Hổ Thông cho rằng: bởi vì tĩnh là chợ cho nên gọi là thị tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: tám nhà làm một tĩnh, giống như cấu trúc tượng hình ngày xưa không có chợ, lợi dụng lúc sáng sớm đến giếng (tĩnh) múc nước, mọi người đem đồ vật ra bán trao đổi, người sau gọi chợ là thị tĩnh ().

KINH PHẬT THUYẾT CỬU SẮC LỘC - *Tuệ Lâm soạn.*

Phất bính: Ngược lại âm trên phân vật. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phất là phủi bỏ. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi lễ rằng: phất là lau chùi. Lại chú giải sách Lễ Ký rằng: phất trừ bỏ phủi bỏ bụi trần. Quảng Nhã cho rằng: phất cũng là trừ bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: phất là vỗ nhẹ, gõ, đập đập xuống cho bụi bay đi; chữ viết từ bộ thủ thanh phất. Ngược lại âm dưới là bình mạng. Tự Thư cho rằng: bính là cầm nắm cái cán, nắm cầm cán đao, thao luyện binh, điều khiển binh tướng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh bính.

Lại sang: Ngược lại âm trên cư ngụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cư là ngồi xồm; chữ viết từ bộ túc thanh cứ.

Trách số: Ngược lại âm tranh cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là nổi giận, chỉ trích. Sách Thuyết Văn cho rằng: trách là la hét lớn, từ bộ khẩu thanh trách, hoặc viết từ bộ viết thành chữ trách.

Sát đề: Ngược lại âm xác hạn tiếng Phạn.

KINH BỒ ĐỀ SIẾM TỬ - *Huyền Ứng soạn.*

Mi lộc: Ngược lại âm mỹ bi. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đến mùa đông là cởi bỏ cái sừng đó. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc loại nai.

Bàng hoàng: Ngược lại âm bổ quang. Ngược lại âm dưới là hồ quang, nghĩa bàng hoàng hồi hợp.

Nghiệp nghiệp: Ngược lại âm ngũ hợp ngũ hợp, hai âm. Bì Thương cho rằng: đá chất chồng lên cao vút. Âm điệp ngược lại âm tài hợp. Kinh văn viết chữ nghiễm là chẳng phải.

KINH PHẬT THUYẾT SIẾM TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Cấu khanh: Ngược lại âm trên cấu hầu: Sách Thuyết Văn cho rằng: nước trong ngòi rãnh, rộng bốn thước, sâu bốn thước gọi là cấu. Chữ viết từ bộ thủy thanh cấu, ngược lại âm dưới là khách canh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khanh gọi là cấu, hang cốc, hố sâu. Chánh Tự

xưa nay cho rằng: khanh là gò đất cao, có hào bao quanh; chữ viết từ bộ thổ thanh khanh, âm kháng ngược lại âm kang lãng.

Hùng bi: Ngược lại âm trên hứa cung. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như con heo ở trên núi, đến mùa đông ẩn mình trong hang đến kiếm mồi, chân của nó giống như tay người nắm lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ năng đến bộ hỏa. Ngược lại âm dưới là bỉ tiết. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: giống như con gấu mà đầu nó dài hơn, chân cao hơn, có sức mạnh dũng cảm nhiều hơn có thể nhổ cây lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như con gấu mà có màu sắc trắng vàng, chữ viết từ bộ võng đến chữ hùng, âm ngược lại âm hồ cam.

Đạo địa: Ngược lại âm đào đảo. Lưu Triệu chú giải sách Cốc hương rằng: đạo là chân mang giày đạp lên. Quảng Nhã cho rằng: đạp lên mà đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạp, giẫm lên; chữ viết từ bộ túc thanh thao, âm thao ngược lại âm diêu tiếu.

Bố cứ: Ngược lại âm cự ngự. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cứ là sợ hãi. Sách Khảo Thanh cho rằng: cứ cũng là sợ, lo sợ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước thanh cứ. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ cứ là chẳng phải, âm xước ngược lại âm sữu lược.

Bàng dương: Ngược lại âm trên bạc mang. Ngược lại âm dưới là dư chương. Sách Quốc ngữ cho rằng: Bình doanh đạo chơi trong núi rừng, ngao du sơn thủy. Cố Dã Vương cho rằng: bàng dương cũng giống như bồi hồi, đi đi, lại lại loanh quanh đi quanh quẩn. Xưa nay Chánh Tự đều viết hai chữ từ bộ xích đều thanh dương phương, bàng cũng là âm xích ngược lại âm sữu xích.

Quả lỏa: Ngược lại âm dưới loa quả. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: thuộc quả đào quả lý. Ứng Thiệu chú giải sách Hán Thư rằng: trái của cây thật gọi là quả. Trái của loại dây leo cỏ gọi là lỏa. Sách Khảo Thanh cho rằng: lỏa là loài dây leo như là dây dưa hấu, dưa Tây có hạt. Sách văn Tự Điển nói rằng: quả trái thật chưa chín không thể đem vào chợ mà bán được, tượng hình giống như trái còn ở trong nước. Kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ quả, văn thường hay dùng viết chữ lỏa. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thảo thanh oa, âm oa là âm canh.

Môn mạc: ngược lại âm trên mạc bôn. Ngược lại âm dưới là môn bác. Theo Thanh Loại cho rằng: môn cũng giống như mạc. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: mạc gọi là an ủi vỗ về. Cố Dã Vương cho rằng: mạc là lấy tay sờ mó, kéo ra, lôi ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: môn tức là vũ, tức là vỗ về, nắm giữ tuân theo, cũng tức là chà

sát. hai chữ đều từ bộ thủ đều thanh môn mạc âm tuần là âm tuần, âm sách ngược lại âm thừa tác.

KINH THÁI TỬ MỘ PHÁCH - *Huyền Ứng soạn.*

Tập đọc: Văn cổ viết chữ tập này cũng đồng. Ngược lại âm từ lập, tập là nhận chịu. Quảng Nhã cho rằng: tập là kế thừa, cũng gọi là hợp, như cũ, nhiều lần không thay đổi.

Cố chất: Ngược lại âm chi dật. Kinh Thái Huyền nói rằng: thọ nhận tư chất còn nghi ngờ. Tống Trung cho rằng: chất vấn. Quảng Nhã cho rằng: chất cũng gọi là hỏi vặn hơi, ân cần, xác định.

Mong hội: Ngược lại âm mạc công, gọi là có con mắt mà không có con người nên không thấy gọi là mong, ngược lại âm dưới là ngũ quái. Mới sinh ra mà không nghe được gọi là hội. Hội cũng gọi là không biết gì hết.

Không ngoan: Lại viết chữ nhân cũng đồng, ngược lại âm ngũ hoàn. Quảng Nhã cho rằng: ngoan là đoán ra. Sách Sở Từ cho rằng: ngoan là vật vuông, gọt vót cho tròn. Vương Dật cho rằng: ngoan tước ra lột ra.

Áo y: Ngược lại âm ư lục. Âm dưới là ư kỳ. Bì Thương cho rằng: bên trong đau khổ bi thương. Lại gọi là tiếng thở than đau khổ. Kinh văn viết hựu út út, ba chữ tượng hình đều chẳng phải chánh thể.

Tham giá: Ngược lại âm thông hàm. Sách Thuyết Văn cho rằng: giá là chiếc xe đóng ba ngựa, hai ngựa đóng ngoài cửa xe tứ mã. Hai ngựa đi trong gọi là phúc, hai ngựa đi ngoài gọi là tham, có sức. Người đi cùng xe, phép đi xe ngày xưa, ở trước ba người, người dẫn đường ngồi bên trái, người đánh xe ở giữa gọi là phi, âm phi là âm phi.

Tham đầu: Ngược lại âm ngư cảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: cúi đầu. Quảng Nhã cho rằng: lắc đầu, gọi là người làm trò hề lắc đầu qua lại. Nay người Giang nam gọi là nắm lấy đầu lắc lắc là tham tham, cũng gọi là tiểu nhờn là người say rượu, âm tham, ngược lại âm tô cảm.

Tuyển nhuyễn: Ngược lại âm diện cốn. Theo chữ tuyển nhuyễn giống như tu du, trong giây lát, chỉ một chút thời gian. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: chỉ trong chốc lát. Văn thường hay dùng gọi là tuyển nhuyễn, nói rằng đưa đẩy phó thác không chịu không bằng lòng

khẳng định là vậy. Trong văn hoặc là viết tuyển nhuyễn, hoặc viết tuyển nhu là chẳng phải nghĩa đây dùng.

Nục mi: Lại viết chữ nục này cũng đồng. Ngược lại âm nữ trúc, ngược lại âm dưới nữ để, văn thông dụng cho rằng: hổ thẹn, xấu hổ, gọi là nục ni.

Tài hữu: Ngược lại âm tại tai. Quảng Nhã cho rằng: Tài là tạm thời. Sách Đông Quán Hán ghi rằng: chẳng qua trong giây lát, không lâu.

Hà tử: Lại viết chữ tử cũng đồng, ngược lại âm tử di, tử là đo lường, suy nghĩa. Kinh văn viết chữ tử này nghĩa chữ tử là tài của vật báu, chẳng phải thể.

KINH PHẬT THUYẾT THÁI TỬ DỤC PHÁCH - *Tuệ Lâm soạn.*

Sanh mai: Ngược lại âm dưới mai bài. Tự Thư cho rằng: mai chôn dấu, cất chứa. Khảo Thanh cho rằng: mai là chìm sâu, chết. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ phan lý, hoặc là viết chữ mai.

Tát thành: Ngược lại âm thạch chinh. Sách Thuyết Văn cho rằng: thành là chỗ đông dân cư trú. Chữ viết từ bộ thổ thanh thành, kinh văn viết chữ thành này là chẳng phải thể chữ vậy.

Trừ tư: Ngược lại âm trực lư. Sách Khảo Thanh cho rằng: trừ là tích chứa. Sách Giai Uyển Chu Tông cho rằng: trừ là chứa vật để làm phòng bị. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhơn thanh chư.

Uyển chuyển: Ngược lại âm oán nhuyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: uyển chuyển giống như là nằm từ bộ tịch đến bộ tiết. Từ bộ xa viết thành chữ uyển là chẳng phải âm tiết là âm tiết.

Kịch ngã: Ngược lại âm linh đích. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếc xe lăn bánh nghiêng nát từ bộ xa thanh lạc. Kinh văn viết chữ tích ngã. Sách Khảo Thanh cho rằng: tích là nghiêng một bên. Sách Thuyết Văn cho rằng: tích là trốn trách. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tích là theo một bên dẫn dắt, kéo lôi, chẳng phải nghĩa kinh, nghĩa khác lạ chữ tích ngược lại âm thất xích.

Hổ bồn: Ngược lại âm trên hồ cổ, ngược lại âm dưới bác môn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hổ bồn là danh xưng của dũng sĩ, chỉ cho sức mạnh như hổ chiến đấu không lui bước. Sách Chu Lễ nói rằng: tộc bồn thị nắm trong tay cây giáo đánh với Vương Xa

phải bỏ chạy. Kinh văn viết từ bộ cân viết thành chữ hổ là chẳng phải, bốn từ bộ bởi thanh bốn âm bốn là âm vi.

Tẩu thú: Ngược lại âm mẫu khác. Sách Nhĩ Thất cho rằng: loài thú có bốn chân, có lông. Thiên Thương Hiệt cho rằng: thúc có bốn chân nó chạy. Quảng Nhã cho rằng: loài thú được trông nom coi sóc. Kinh văn viết từ bộ khuyến viết thành chữ thủ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: thú nghia là đi săn mùa đông. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: phóng lửa thiêu đốt cỏ cũng gọi là thủ chẳng phải nghia của kinh.

Chưng chữ: Ngược lại âm trên là chi nhưng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chưng gọi là lửa bốc hơi đi lên. Chữ viết từ bộ hỏa thanh chưng. Kinh văn viết từ bộ thảo, viết thành chữ chưng là sai. Ngược lại âm dưới là chư nữ. Chữ cũng giống như chưng nghĩa là chưng nấu thức ăn. Chữ viết từ bộ hỏa thanh chữ, kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ mạc là chẳng phải.

KINH VÔ TỰ BẢO NGHI - *Tuệ Lâm soạn.*

Tàm quý: Ngược lại âm tạp cam. Sách Thượng Thư cho rằng: chỉ có người biết hổ thẹn mới có uy đức. Sách Thuyết Văn cho rằng: tàm cũng là quý là xấu hổ, chữ viết từ bộ tâm thanh trảm, hoặc là viết chữ (T529)tàm. Âm tàm ngược lại âm tàm cảm, chẳng phải nghĩa của kinh.

KINH ĐẠI THỪA LY VĂN TỰ PHỔ QUANG MINH TẠNG

Tuệ Lâm soạn.

Như diệm: Ngược lại âm diệp tiệm. Sách Khảo Thanh cho rằng: lửa cháy sáng rực. Sách Thuyết Văn cho rằng: hỏa diệm, lửa cháy dữ tợn; chữ viết từ bộ hỏa, thanh diệm. Kinh văn viết chữ diệm, văn thường hay dùng, âm tiệm, ngược lại âm tiếp diễm.

**KINH ĐẠI THỪA BIẾN CHIẾU QUANG MINH TẠNG
VÔ TỰ PHÁP MÔN**
(Không có chữ có thể giải thích.)

KINH PHẬT THUYẾT LÃO NỮ NHƠN - *Tuệ Lâm soạn.*

Thống dương: Ngược lại âm dương dưỡng. Sách Khảo Thanh cho rằng: dương là hơi có bệnh. Sách Lễ Ký cho rằng: con chí con bọ chết không dám cắn ngứa. Trịnh Huyền chú giải sách Hiếu Kinh rằng: ngăn chặn con bọ chết cắn làm ngứa ngáy khó chịu. Sách Thuyết Văn cho rằng: dương là con muỗi kim, muỗi mắt nhỏ; chữ viết từ bộ trùng thanh dương. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: hoặc viết chữ dưỡng. Sách Vận Anh Lược viết chữ dưỡng này.

Tương giai: Ngược lại âm khách giai. Quảng Nhã cho rằng: giai là lau chùi, chà sát. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh giai.

Hữu tửng: Ngược lại âm diệp lang. Sách Khảo Thanh cho rằng: cái trống khuông. Tự Thư cho rằng: trống tài. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tửng, âm thủ ngược lại âm hồ thọ.

Phu đả cổ: Ngược lại âm trên là phủ vô. Cố Dã Vương cho rằng: phu là cái dùi trống. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái oán dùi cầm đánh trống, chữ viết từ bộ mộc thanh bao. Kinh văn viết từ bộ phu viết thành chữ phù, âm phù là âm phu. Sách Luận ngữ cho rằng: cái trống lớn gọi phạt, trống nhỏ gọi là phu, chẳng phải nghĩa kinh. Ngược lại âm dưới là cô ngữ. Chữ cổ sách Khảo Thanh cho rằng: Đúng thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ khải đến bộ phúc, giống như là cờ nắm trong tay. Trong kinh viết từ bộ bì viết thành chữ cổ văn thông dụng thường hay dùng là chẳng phải. Âm khải ngược lại âm chu lũ, âm phúc ngược lại âm phổ bốc.

Lay lão: Ngược lại âm lụy nguy. Trước kinh Đệ Nhất Nghĩa Pháp Thắng đã giải thích rồi.

KINH PHẬT THUYẾT LÃO MẪU - *Tuệ Lâm soạn.*

Tương toàn: ngược lại âm dưới là tổ loan. Cố Dã Vương cho rằng: toàn gọi là cái dùi khoan đục xuyên qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái khoan xuyên qua đá, chữ viết từ bộ kim thanh toàn.

Chùy cổ: Ngược lại âm truy quý. Sách Thuyết Văn cho rằng: chùy là dùng cây gậy đánh nện, chữ viết từ bộ thủ thanh thù.

Cầm thú: Ngược lại âm cập kim. Bạch Hổ Thông cho rằng: cầm đó là tổng gọi tên chung của loài chim chóc thú cầm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: có hai chân mà yếu gọi là cầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tượng hình giống như cái đầu, chữ viết từ bộ nhữ thanh kim, tương tự như cái đầu của đứa bé. Kinh văn viết từ bộ khuyển viết thành chữ cầm này là chẳng phải âm nhữ ngược lại âm nhu trữu.

KINH PHẬT THUYẾT LÃO MẪU NỮ LỤC ANH - *Tuệ Lâm soạn.*

Quỳnh quỳnh: Ngược lại âm quý dinh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: quỳnh là lo lắng đơn độc không có anh em, gọi là quỳnh, là không có con cái gọi là độc. Tự Thư cho rằng: quỳnh quỳnh là không có chỗ để cậy nhờ. Hoặc từ bộ nhĩ viết thành chữ quỳnh. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chữ quỳnh từ bộ hề đến bộ tử viết thành chữ quỳnh này là sai.

Tùng toại: Âm toại. Đỗ Dự chú giải truyện rằng: toại là dụng cụ lấy lửa thời xưa. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: năm loại thạch đồng, tinh luyện thành ống tròn lấy đưa lên hướng mặt trời tức thì có lửa. Sách Khảo Thanh cho rằng: toại đó là nay người ta gọi cái kiếng (gương) lấy lửa. Cái gương đó có đường kính tròn hai tấc, nhiều khi còn có vân trên mặt, có chỗ trũng lấy chiếu ngay mặt trời, nhân đây liền được lửa. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh toại. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoặc viết từ bộ kim viết thành chữ toại. Sách Khảo Thanh cho rằng: hoặc viết từ bộ xa viết thành chữ toại, âm qua ngược lại âm ô qua.

Quá cổ: Ngược lại âm trên trái oa. Theo Thanh Loai cho rằng: quá là cái dùi trống. Sách Khảo Thanh cho rằng: quá là đánh gõ. Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ trúc, viết thành chữ quá này.

KINH ĐỨC HỘ TRƯỞNG GIẢ - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN THƯỢNG

Lậu tiết: Ngược lại âm tự liệt. Quảng Nhã cho rằng: tiết là nước tràn ra ngoài. tiết cũng là lậu, cũng gọi là phát ra.

KINH ĐỨC HỘ TRƯỞNG GIẢ
QUYỂN HẠ

Môn khốn: Lại viết chữ khốn này cũng đồng. Ngược lại âm khố bốn. Tam Thương cho rằng: khốn là cửa ngăn chặn lại.

Vũ lang: Trụ văn viết chữ vũ này cũng đồng. Ngược lại âm vong vũ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhà nhỏ hơn vây quanh nhà lớn cũng gọi là vây quanh hành lang, cũng gọi là nhà lớn.

Hột da: Ngược lại âm hồ một.

Tỳ chất: Ngược lại âm tri lật đều tên của vị thần.

Chi na: tên của nước thời Đường, hoặc nói là chấn đản. Hoặc gọi tổng tên chung của nước Chân Đan Thần Châu.

KINH NGUYỆT QUANG ĐÔNG TỬ - *Huyền Ứng soạn.*

Dĩ sách: Ngược lại âm sở cách. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: tìm tòi, lục lợi tận cùng hết sạch. Lại viết tích này.

Ế viết: Ngược lại âm ư kế. Quảng Nhã cho rằng: che đậy ẩn giấu. Sách Phương Ngôn cho rằng: ế cũng là che đậy ẩn giấu.

Thao thiên: Ngược lại âm thảo cao. Sách Thượng Thư cho rằng: thao là nước ào ào cuộn cuộn. Khổng An Quốc cho rằng rằng: nước toàn ngập bờ sông, lại nói rằng: Thao là nước đầy, nước lớn, giống như nước dâng lên đầy cả bầu trời.

Chí điểu: Ngược lại âm chi lợi, giống chim hung dữ. Quảng Nhã cho rằng: chí là chấp cầm nắm, gọi là có thể nhiếp phục giống chim này. Loài chim dũng mãnh rất nhạy bén đó gọi là chim ưng, điều hâu. Kinh văn viết từ bộ trùng viết thành chữ trập ngược lại âm trừ lập. Loài côn trùng loài thú đến mùa đông ẩn mình bất động. Chữ trập chẳng phải

nghĩa đây dùng.

Chiếp thoán: Ngược lại âm cổ giáp. Sách Nhĩ Thất cho rằng: chiếp là sợ hãi. Quách Phác chú giải rằng: tức là khiếp sợ, lo sợ.

Độn tàng: Lại viết chữ độn hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm đồ đốn. Quảng Nhã cho rằng: là bỏ trốn đi, ẩn giấu.

Dăng miệt: Ngược lại âm miên kiết. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: miệt là con muỗi mắt, con bọ mắt. Quách Phác chú giải rằng: loài côn trùng nhỏ giống như ký sinh trùng nhỏ nhất, sống theo gió, mưa, nơi hang hốc.

Tỉ nghê: Hoặc là viết nhan nhi. Lại viết phiến nghê, hai chữ tượng hình. Tự Lâm cho rằng đồng ngược lại âm phổ mẽ, âm dưới là ngũ thể, tỉ nghê nghiêng người không có đứng, đứng không vững.

Phả ngã: Ngược lại âm phổ ngã, gọi là dao động không an. Kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ phả ngã, hoặc là viết từ bộ sơn viết thành chữ phả ngã đều chẳng phải.

Tương đốn: Văn cổ viết chữ đôn chánh đình ba chữ tượng hình nay đều viết đồng như vậy. Ngược lại âm trạch đột, gọi là xúc chạm va chạm, khích lệ.

Đê mạn: Ngược lại âm tha lễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: lựa màu vàng đỏ, vãi lựa màu đỏ pha nhiệm với các màu sắc khác.

Xích chủ: Nay viết chữ thúc này cũng đồng. Ngược lại âm túy lữ. Quảng Nhã cho rằng: chủ là cái miệng. Tự Thư cho rằng: cái mỏ con chim, hoặc viết chữ chủ này, văn cổ viết chữ chủ.

Hoắc nhiên: Ngược lại âm hồ quách. hoắc cũng gọi là mau chóng, dáng mạo vội vàng. Kinh văn viết chữ hoắc này sai.

Thám đạo: Ngược lại âm tha hàm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thám là lấy tin. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy tin từ xa gọi là thám.

KINH NHẬT NHI THÂN NHẬT (Đây gọi là tịnh đầu) - *Huyền Ứng soạn.*

Vô ngân: Lại viết chữ cần này cũng đồng. Ngược lại âm cần này cũng ngân là đánh trống. Sách Thuyết Văn cho rằng: nơi vùng đất xa, cũng gọi là bờ bến.

Câu kỳ: Hoặc nói là cư chỉ la điểu, đây dịch là loài chim có tiếng hót rất hay. Kinh văn viết kỳ này là sai.

Hạc áp: Ngược lại âm hồ khác. Âm dưới lại viết áp cũng đồng. Ngược lại âm trúc giáp, hạc là loài chim giống như chim trĩ. Nhưng mà lớn hơn, lông màu xanh, tính đá nhau đến chết mới thôi.

Hồng diêm: mượn âm, ngược lại âm dĩ thiêm. Chánh Tự viết chữ diêm này. Lại viết chữ diêm nghĩa là sáng rực.

Hằng nhiên: Ngược lại âm ca đặng, chữ hằng cũng giống như chữ hằng, hằng nghĩa thông suốt.

KINH PHẬT THUYẾT TRƯỜNG LÃO CHẾ - *Tuệ Lâm soạn.*

Cái thực: Ngược lại âm trên là các nghệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: người đi xin ăn, người tiêu mất hết tài sản thì đi xin ăn; chữ viết từ bộ đến bộ vong. Kinh văn viết chữ cái, văn thường hay dùng.

Cao tảo: Ngược lại âm dưới tao tảo. Sách Chu Dịch cho rằng: nước chảy ẩm ướt, lửa chính là làm cho khô ráo. Sách Thuyết Văn cho rằng: tảo là làm cho khô; chữ viết từ bộ hỏa thanh tảo, âm tảo ngược lại âm tao đảo.

Nhiều ngã: Ngược lại âm nô điểu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhiều loạn, quấy rối, làm trò cười, chọc ghẹo; chữ viết từ bộ nữ thanh nhiều.

Nhuyễn động: Ngược lại âm nhuận doãn. Sách Khảo Thanh cho rằng: loài côn trùng không có chân gọi là nhuyễn có chân gọi là trùng. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: loài côn trùng nhỏ nhít. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhuyễn cũng là động, chữ viết từ bộ trùng thanh nhuyễn, âm nhuyễn, ngược lại âm nhi diển. Kinh văn viết chữ nhuyễn này là chẳng phải.

Khắc lữ: Ngược lại âm trên là khảng lặc, âm dưới lữ đạu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khắc kim loại chạm chỗ gọi là lữ, điêu khắc chạm chỗ gọi là lữ, điêu khắc chạm chỗ trên gỗ gọi là khắc. Quách Phác chú giải rằng: điêu khắc chạm chỗ, khắc chạm, rèn đúc sửa chữa trên kim loại, chất bạc. Đỗ Dự chú giải rằng: chữ viết từ bộ đao thanh khắc, chữ lữ viết từ bộ kim thanh lữ. Kinh văn viết chữ lữ là văn thường hay dùng.

KINH PHẬT THUYẾT BỒ TÁT THỆ - *Tuệ Lâm soạn.*

Nhiêu ngã: Trước kinh Trưởng Giả Tử Chế đã giải thích rồi.

Quyên phi: Ngược lại âm trên là nhất duyên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quyên đó là loài ấu trùng. Theo truyện cho rằng: loại ấu trùng màu đỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh quyên. Ngược lại âm dưới là phì vị. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phi tức là ấu trùng của con châu chấu. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: phi là loại ấu trùng của con bàn phủ xú. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ đều là chữ hình thanh.

KINH PHẬT THUYẾT THỆ ĐỒNG TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Phi ca sa: Ngược âm trên là phi. Cố Dã Vương cho rằng: phi đó gọi là áo chên cựa tay xưa mặc trên lưng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ở trên lưng gọi là phí. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cân thanh bì. Kinh văn viết từ bộ y viết thành chữ bị cũng thông dụng, chữ mượn âm dùng.

KINH VĂN THÙ SỰ LỢI VẤN BỒ TÁT - *Tuệ Lâm soạn.*

Trọng đảm: Ngược lại âm trên là trực lung. Ngược lại âm dưới là đam lam. Quyển trước kinh Đệ Nhất Nghĩa Pháp Thắng đã giải thích rồi.

Lợi độn: Ngược lại âm đột khỗn, quyển trước kinh Đại thừa tạo (T530) tượng công đức đã giải thích rồi.

KINH ĐẠI THỪA GIÀ DA SƠN ĐẢNH

Bồ Đề Lưu Chi - Tuệ Lâm soạn.

Tường bích: Ngược lại âm tương dương. Sách Luận ngữ cho rằng: vách tường của Phu Tử có nhiều thước. Khổng An Quốc chú giải rằng: bảy thước gọi là một nhần. Sách Khảo Công Ký ghi rằng: vách tường

dày ba thước. Sách Thượng Thư cho rằng: không dám vượt qua bức tường phẳng. Cố Dĩ Vương cho rằng: bức tường cũng bằng phẳng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tường thanh tường, âm tường là âm sàng, âm sắc là âm sắc hoặc là viết tường. Lại viết chữ tường, cũng viết chữ tường, tuy thông dụng, nhưng nay đều không dùng.

Thời diêm: Ngược lại âm diêm tiêm. Sách Khảo Thanh cho rằng: lửa cháy lan nhỏ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: ngọn lửa cháy sáng rực hơn ngọn lửa nhỏ và nó cháy sáng theo thứ tự không thể dập tắt chết hẳn được. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngọn lửa cháy sáng rực như núi lửa, chữ viết từ bộ diêm thanh khảm âm khảm là âm hãm, âm chước là âm dương ngược.

Phân tích: Ngược lại âm tinh diệu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phân tích. Sách Khảo Thanh cho rằng: tích là tách ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chẻ cây ra chặt ra. Chữ viết từ bộ mộc thanh căn. Kinh văn viết từ bộ thủ đến bộ phiến, văn thường hay dùng.

Cố luyện: Ngược lại âm cổ bố. Trịnh Tiến chú giải sách Mao Thi Truyện rằng: quay đầu lại nhìn gọi là cố, cố cũng giống như là nhìn theo vậy. Lại cũng gọi là nhớ nghĩ. Quảng Nhã cho rằng: quan tâm chiếu cố. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hiệt thanh cố, âm hiệt ngược lại âm hiền kiết, âm cố đồng với âm trên. Kinh văn viết chữ cố văn thường hay dùng.

Sa lịch: Ngược lại âm linh đích. Sách Thuyết Văn cho rằng: sa lịch là đá vụn. Chữ viết từ bộ thạch thanh lạc. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ sa cũng thông dụng.

Hệ niệm: Ngược lại âm hề nghệ. Sách Khảo Thanh cho rằng: hệ gọi là trong lòng nhớ nghĩ hoài không quên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh hệ âm hệ, ngược lại âm hề kế.

Hành cảo: Ngược lại âm trên hạnh canh. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: gốc cọng cỏ gọi là hành. Sách Khảo Thanh cho rằng: trúc tre gọi là cố, cây gọi là mai, tức là một gốc cây. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh khinh. Ngược lại âm công lãnh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cảo là nhánh cây. Sách Thuyết Văn cho rằng: cảo là thân cây lúa, chữ viết từ bộ hòa thanh cảo, hoặc là viết chữ cảo nay không dùng. Kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ cảo. Sách Thuyết Văn nói cảo tên của loại rau cần, nghĩa khác lạ chẳng phải nghĩa kinh.

KINH ĐẠI THỪA GIÀ LA SƠN ĐẢNH*Nguyễn Ngọc Lưu Chi - Tuệ Lâm soạn.*

Biện phát: Ngược lại âm trên là biên miện. Sách Thuyết Văn cho rằng: biện gọi là thất bím đuôi sam tóc, chữ viết từ bộ mịch thanh biện âm biện, ngược lại âm biệt miển. Kinh văn viết từ bộ biên viết thành chữ biện là sai, âm biên ngược lại âm bổ miên, âm miện, ngược lại âm miên điển.

Giải đãi: Ngược lại âm trên giai mai. Ngược lại âm dưới đài nãi. Trước kinh Thuận Quyền Phương Tiện quyển thượng đã giải thích rồi.

Bì quyện: Ngược lại âm trên là bì bi. Giã Quy chú giải sách Quốc ngữ rằng: bì là lao nhọc. Quảng Nhã cho rằng: bì là mỗi mệt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tật thanh bì âm tật ngược lại âm nữ ách. Chữ quyện hoặc là viết từ bộ nhơn viết thành chữ quyện, cũng thông dụng.

Phấn tấn: Ngược lại âm trên phân vấn. Quảng Nhã cho rằng: phấn chấn thư thả thoải mái. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: phấn là động. Sách Thuyết Văn cho rằng: phấn cũng giống như là bay lên, chữ viết từ bộ truy trong bộ điền, âm trên truy là âm tuy.

PHẬT THUYẾT KINH ĐỘC TỬ - *Tuệ Lâm soạn.*

Cốc thủ: Ngược lại âm trên câu hầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: cốc thủ là con cừ cái, chữ cốc chánh thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoặc là viết từ bộ tử viết thành chữ cốc. Kinh văn viết từ bộ thủ, viết thành chữ cấu là liên lụy biết nghĩa lý không rõ ràng, cùng với nghĩa kinh khác lạ âm sủy, ngược lại âm nô quan.

Thiết ác: Ngược lại âm phiến miệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiết là buồn rầu, bực tức. Sách Phương Ngôn cho rằng: thiết cũng là ác. Quách Phác chú giải rằng: thiết là buồn bực tính nóng nảy bồn chồn. Xưa nay Chánh Tự viết bộ tâm thanh tậ, âm tậ ngược lại âm tỳ duệ, âm phó là âm phu.

Nhủ trùng: Ngược lại âm trủng lung. Quách Phác chú giải sách Mục Thiên Tử truyện rằng: trùng là dòng sữa tiết ra, nay người ở Giang nam cũng gọi sữa là trùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: dòng sữa tiết ra, chữ viết từ bộ thủy thanh trùng, âm lung ngược lại âm long dụng.

PHẬT THUYẾT KINH NHŨ QUANG PHẬT - *Tuệ Lâm soạn.*

Để tháp: Ngược lại âm trên đê lễ. Sách Thuyết Văn cho rằng: để là xúc chạm, va chạm; chữ viết từ bộ ngư đến bộ để cũng là thanh. Ngược lại âm dưới đằm hạp. Sách Thuyết Văn cho rằng: đập giẫm lên. Chữ viết từ bộ túc thanh tháp âm tháp là âm tháp.

Thính hưởng: Ngược lại âm thanh tính, mượn người thay thế. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: có thể giả mượn chẳng phải thật. Cố Dã Vương cho rằng: thính cũng là giả. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhờn thanh thanh.

Mạn để: Ngược lại âm trên mản bàn. Sách Thuyết Văn cho rằng: mạn là khinh khi, chữ viết từ bộ ngôn thanh mạn âm mạn là âm vạn. Ngược lại âm dưới để lễ. Sách Khảo Thanh cho rằng: để là chống cự lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến bộ để âm để cũng là thanh. Kinh văn viết từ bộ ngư viết thành chữ để. Để nghĩa xúc chạm va chạm, nghĩa sai.

Quyên phi: Ngược lại âm trên là nhất duyên, quyển trước kinh Bồ tát thế đã giải thích rồi.

KINH VÔ CẤU HIỀN NỮ - *Huyền Ứng soạn.*

Tỳ lâu: Ngược lại âm tử di. Ở Tây Vực: tên vợ của ông Trương giả. Kinh Thai Tạng viết chữ can nghi là sai.

Lỏa hình: Ngược lại âm hoa ngỗa. Trụ văn âm tự vốn âm lô quả. Cố Dã Vương cho rằng: lỏa là cởi ra để lộ vai trên phải. Sách Thuyết Văn cho rằng: lỏa cũng là cởi áo ra để lộ thân thể, chữ viết từ bộ thanh quả, hoặc là viết chữ khóa, lại cũng viết chữ lỏa, thể chữ có hơi nhiều. Nay dựa theo sách Thuyết Văn viết từ bộ nhờn viết thành chữ lỏa, còn các âm dư khác đều không dùng.

Chí hư: Ngược lại âm trên chủy chi, âm dưới là hư. Sách Khảo Thanh và văn Tự Điển đều nói rằng: hư chí là giống chim quái lạ, xác thật đây là loại chim ban ngày đậu nghỉ ban đêm lại bay đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: hư tức là si, tức là con cú mèo, si thuộc loại con điều hâu. Xưa nay Chánh Tự đều viết chữ từ bộ điểu, đều thanh chí hư; chữ huyền hoặc viết từ bộ để viết thành chữ nay không dùng.

PHẬT THUYẾT KINH VỊ TĂNG HỮU - *Tuệ Lâm soạn.*

Hộ vũ: Ngược lại âm dưới là do tửu. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoét xuyên qua vách tường dùng thanh gỗ làm trần song gọi là cửa sổ; chữ viết từ bộ phiến đến bộ hộ, thanh bổ chỗ gọi là thấy được mặt trời.

Điều sức: Ngược lại âm trên điều liễu. Quyển trước kinh Di Lạc Hạ sanh thành Phật đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là thăng chức. Quyển trước kinh tạo tượng công đức đã giải thích rồi.

Tản cái: Ngược lại âm trên phủ lại. Cổ Dã Vương cho rằng: tân tức là cây dù che. Sách Văn Tự Điển nói rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh tản. Kinh văn viết từ bộ thủ viết từ bộ viết thành chữ bán là chẳng phải âm mịch là âm mịch.

Quáng mạch: Ngược lại âm trên hổ mãnh. Sách Thống Tự cho rằng: tên của loại ngũ cốc, lại có trăm loại. Tóm lại gọi là ngũ tặc, gọi là bông lúa tủa ra. Thuộc loại đậu, lúa dẻo v.v... cũng gọi là thuộc giác cốc mạch, cũng gọi là mau cốc ma, cũng gọi là thọ cốc. Theo chữ quáng đó là lúa mạch tức là thuộc loại man cốc. Sách Khảo Thanh cho rằng: quáng là lúa mì có bông tủa ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh quáng, viết đúng là chữ quáng. Kinh văn viết từ bộ mạch viết thành chữ quáng là loại lúa có bông lớn, hạt to. Sách Khảo Thanh cũng cho rằng: lúa mạch bông lớn, các chữ trong sách đều không có chữ này.

Lâu tổ: Ngược lại âm trên lậu câu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hai bên mặt uống cong lại gọi là lâu. Văn Tự Tập Lược cho rằng: nhà có gác trên thành phòng ngự quân địch. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mộc thanh lũ. Ngược lại âm dưới lô cổ. Sách văn Tự Tập Lược cho rằng: lỗ là chòi cao trên thành không có mái che phòng thủ, nhìn ngắm được quân địch. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh lỗ âm lũ đồng với âm trên.

KINH THÂM HY HỮU - *Tuệ Lâm soạn.*

Tốt-đỗ-ba: Ngược lại âm trên tôn cốt, tiếng Phạn, tên tháp cao.

Câu-tri: Ngược lại âm dưới là tiếng Phạn.

Chủng thực: Ngược lại âm thừa chức. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thực là lâu dài. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: thực là nghỉ ngơi,

chúng là nhiều hạt giống. Quảng Nhã cho rằng: thực là dựng đứng thẳng, thực cũng là chứa nhiều. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh thực, âm ngọc, ngược lại âm ngũ hạt.

**KINH CHUYỂN NỮ THÂN - Tuệ Lâm soạn.
(Còn một tên nữa là Kinh Phúc Trung Nữ Thánh)**

A-nĩ-lô-đâu: tiếng Phạn, tên của vị A-la-hán.

Manh minh: Ngược lại âm trên là mạc canh. Quyển trước kinh Đại thừa tạo tượng công đức đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là mạc bình. Sách Khảo Thanh cho rằng: minh là tối tăm. Sách Thuyết Văn cho rằng: minh là u ám; chữ viết từ bộ nhựt, gọi là số mười đến bộ lục, phàm trắng bắt đầu ngày 16 khuyết dần dần cho nên u ám, từ bộ mịch; chữ hội ý, âm mịch là âm mịch. Kinh văn viết từ bộ miên đến bộ cụ viết thành chữ minh là chẳng phải.

Hữu hiệp: Ngược lại âm kiểm kiếp. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiệp là bên hông bụng. Chữ viết từ bộ nhục thanh hiệp, âm hiệp là âm diệp, từ ba bộ lực, kinh văn viết từ ba bộ đao viết thành chữ hiệp là chẳng phải.

Vi tu: Ngược lại âm lật du. Theo chữ tu đó nghĩa là hoa sen bên trong có bốn mặt kết thành đài hoa, Trong có nhụy hoa, giống như cái răng nhô lên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hiệt đến bộ sam, âm hiệt ngược lại âm hiền kiết, âm sam là âm sam. Kinh văn viết từ bộ tiêu viết thành chữ tu là chẳng phải âm tiêu ngược lại âm phổ điều.

Bất vọng: Ngược lại âm võng phương. Theo Tả Truyện cho rằng: chẳng phải chỗ dám mong cầu hy vọng tới. Cố Dã Vương cho rằng: vọng cũng giống như quan sát nhìn xa xăm, mong mỏi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vong đến bộ tịch, đến bộ vương. Theo chữ vọng đó là chỗ ý hy vọng mong mỏi, âm ký là âm ký.

Kiên cố khái: Ngược lại âm khai cái. Quyển trước kinh Thuyện Quyền Phương Tiện trong quyển thượng đã giải thích rồi.

Khiếp nhược: Ngược lại âm trên khiếm khiếp. Sách Khảo Thanh cho rằng: khiếp sợ, kiếp mạn. Cố Dã Vương cho rằng: khiếp sợ, thiếu kém. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: lo sợ nhiều, chữ viết từ bộ tâm thanh khứ âm nhuyển là âm oán loạn. Ngược lại âm dưới là nhược chước. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: nhược là yếu ớt bệnh

hoạn, kém cõi. Sách Khảo Thanh cho rằng: yếu gãy không có sức lực. Sách Thuyết Văn cho rằng: cong lưng lại, trên giống như uống cong lại. Bộ sam giống như sợi lông nhỏ. nhược từ bộ cung nên phải cong lại vật không thẳng, cho nên phải dựa vào hai bộ cung thành chữ nhược. Âm nao ngược lại âm nô táo, âm trào ngược lại âm trào trạo.

Yếm hối: Ngược lại âm ư diễm. Sách Khảo Thanh cho rằng: yếm là mỗi một, đau khổ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hán thanh yếm, âm hán là âm văn.

Vô yếm: Ngược lại âm y diễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chó nó gặm miếng thịt ngọt không nhằm chán, cho nên chữ viết từ bộ nhục đến bộ cam, đến bộ khuyển. Kinh văn viết từ bộ nhật đến bộ nguyệt, viết thành chữ yếm, hoặc từ bộ hán viết thành chữ yếm đều sai vậy.

Giáp liệt: Ngược lại âm trên là hàm giáp. Cổ Dã Vương cho rằng: giáp là nơi biên ải nhỏ hẹp vùng biên giới bức bách không rộng rãi to lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ải từ bộ phủ đến bộ giáp viết thành chữ giáp. Tuy đúng thể cùng với chữ thiêm châu, tên địa danh. Từ gọi tắt của tỉnh Thiểm tây Trung Quốc; chữ tương đối rối loạn nghĩa, nay không dùng. Dựa theo kinh văn viết từ bộ giáp viết thành chữ giáp. Văn kinh cũng viết từ bộ khuyển viết thành chữ hiệp là hiệp đều là thói quen của con chó con ngựa. Chẳng phải nghĩa đây dùng, âm khiếp ngược lại âm kiêm diệp.

Khan tích: Ngược lại âm khổ nhàn. Sách Quảng Thát cho rằng: khan là hà tiện, tăng tiện, bủn xỉn. Bì Thương cho rằng: yêu tích của cái, khan là chữ chánh thể. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ cách thanh kiên âm kiên là âm kiên. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ khan văn thông dụng thường hay dùng.

Xú uest: Ngược lại âm trên xú chú. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài cầm thú chạy đi ngửi mùi mà biết dấu tích quay về là loài chó; chữ viết từ bộ tự, tự đó là xưa gọi ty tức mũi, chữ tượng hình. Nay văn thường hay dùng viết từ bộ tử viết thành chữ ty là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là uy vệ. Tự Thư cho rằng: uest là không sạch sẽ, xấu ác dơ bẩn. Sách Thuyết Văn có rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh tuế.

Trừ phân: Ngược lại âm phân vấn. Quảng Thát cho rằng: phân là trừ bỏ bụi bậm dơ bẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: quét dọn trừ bỏ phân dơ, chữ viết từ bộ thổ thanh khí, kinh văn viết từ bộ dị viết thành chữ phân văn thường hay dùng là chẳng phải, âm biện ngược lại âm bì biến.

Di thóa: Ngược lại âm trên là dật chi. Sách Chu Dịch cho rằng: tế tư khóc nước mắt đầm đìa. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước mũi chảy ròng ròng, chữ viết từ bộ thủy thanh di, hoặc là âm tán kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ thế. Sách Thuyết Văn cho rằng: thế khắp là khóc nước mắt chảy. Chẳng phải nghĩa chữ di thóa. Ngược lại âm dưới thổ khóa. Theo Tả Truyện cho rằng: vua Tấn trước chần không nhìn mà sau lưng lại nhỏ nước bọt. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dãi trong miệng, chữ viết từ bộ khẩu đến thanh thù y.

Thủ quyển: Ngược lại âm quyển viên. Mao Thi Truyện cho rằng: quyển sức mạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: quyển là khí thế, chữ viết từ bộ thủ thanh quyển.

Đảo dực: Ngược lại âm đảo lão. Quảng Thất cho rằng: đảo là giả đập. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái chày để giả đập, chữ viết từ bộ (T531) thủ thanh trừ, hoặc là viết chữ đảo cũng viết chữ biện văn cổ chữ cổ.

Thung mẽ: Ngược lại âm thúc dung. Cố Dã Vương cho rằng: thung là giã ngũ cốc ra thành gạo. Sách Thuyết Văn cho rằng: giã thóc ra thành gạo; chữ viết từ bộ củng là hai tay cầm nắm cái chày giã vào cối. Trên là chữ hội ý. Thế Bồn cho rằng: ung phủ ba đầu cầm chày giã. Tống Trung cho rằng: ung phủ là tôi thân của Hoàng đế, âm củng là âm củng.

Nhược ngao: Ngược lại âm ngũ cao. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: ngao cũng là tiên, nghĩa là rán, chiên, rang đậu. Sách Phương Ngôn cho rằng: ngao là ngọn lửa làm cho khô ráo. Phạm có loại lửa than hong cho khô ngũ cốc. Từ trên núi mà nước Đông Tê, Sở luôn gọi là ngao. Sách Thuyết Văn cho rằng: rang cho khô; chữ viết từ bộ hỏa, thanh ao.

Trừu xuế phảng điệp: Âm xuế ngược lại âm chùy nhuế; chữ xuế đó là lông mịn, lông mao của con thú vật, con chim. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: xuế đó là cái nệm chăn có lông mịn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: lông mịn nhuyễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lông thú mịn nhuyễn. Theo chữ xuế đó là áo lông chim, lông thú mịn nhuyễn có năm màu sắc dệt lại thành mảnh lụa hoa văn, cho rằng y phục của vua Chuyển Luân Thánh Vương, gọi là ngự y, âm phảng ngược lại âm phương võng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phảng là đường viền vải sợi. Xưa nay Chánh tự cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh phương. Ngược lại âm dưới là điệp điệp, ở Tây Vực gọi là cây bông vải, có hoa cỏ giống như cây liễu, có bông mịn, ở xứ nước kia

đều kéo ra nhồi lại lấy làm sợi tơ dệt vải, cho rằng vải bố vải thưa âm nhiên ngược lại âm niên điển.

Cơ quan: Ngược lại âm trên là ký hy. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: cơ là bộ máy quan hệ chế ra động chuyển, máy xay lương thực. Cố Dã Vương cho rằng: cơ là vật rất đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chủ phát động đó gọi là cơ, tức là loại cung nổ vậy; chữ viết từ bộ mộc thanh cơ.

Cân khiên: Ngược lại âm trên cư ngân quyển trước kinh Chư Pháp Vông Vương đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là di nhiên. Sách Quảng Thát cho rằng: khiên đó là lôi kéo ra, liên kết lại với nhau. Cố Dã Vương cho rằng: khiên cũng gọi là dẫn dắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngư đến bộ mịch thanh huyền, giống như dẫn dắt con trâu, âm quynh, ngược lại âm quý quản, văn thường hay dùng viết từ bộ thủ viết thành chữ khiên này là chẳng phải.

Hư nguy: Ngược lại âm hứa ngư, gọi là hư không. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khứu thanh hổ, âm hổ ngược lại âm hổ cô. Ngược lại âm dưới là nguy vị. Quảng Nhã cho rằng: nguy là khinh khi. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: nguy là giả. Sách Thuyết Văn cho rằng: nguy là đối trá; chữ viết từ bộ nhơn thanh vi.

Bồi phục: Ngược lại âm trên là bồi muội. Cố Dã Vương cho rằng: bồi là một mà sanh thêm hai. Sách Khảo Thanh cho rằng: nảy sinh ra nhiều từ nơi gốc rễ, kẻ địch phải diệt từ nơi gốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh bồi, âm bồi, ngược lại âm thổ khẩu. Ngược lại âm dưới là phò cứu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phúc là nhiều lớp nhiều tầng. Cố Dã Vương cho rằng: phúc là giống như lập lại nhiều lần nữa, lại nữa. Lại gọi là phục đó là giống như lập lại nhiều lần, nhiều lớp. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xích thanh phúc, âm xích ngược lại âm sữ xích. Âm phục là âm phục. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ phục là chẳng phải.

Hoạn lụy: Ngược lại âm lực nguy. Tả Truyện cho rằng: đương thời mà động đó không có liên lụy đến người sau. Lưu Triệu chú giải sách Cốc Lương truyện rằng: lụy đó là liên cập liên tiếp đến. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mịch thanh lụy, âm mịch là âm mịch âm lụy đồng với âm trên.

KINH VÔ THƯỢNG Y - Tuệ Lâm soạn QUYỂN THƯỢNG

Phiên não xác: Ngược lại âm dưới là khổ giác. Tự Thư cho rằng: võ trứng của con chim. Cố Dĩ Vương cho rằng: phàm là da của vật gọi là xác. Sách Văn Tự Điển nói rằng: cái trứng đã được tin cậy, chữ viết từ bộ noãn thanh xác âm xác ngược lại âm không nhạc. Trong kinh văn nói “phiên não xác” đó là vô minh, có thể bao hàm tất cả các pháp bất thiện nghiệp, cho nên gọi là tên.

Thông hiệt: Ngược lại âm dưới là nhàn bát. Sách Phương Ngôn cho rằng: từ giữa quan ải của nước Đông Triệu, Ngụy gọi hiệt là huệ. Quách Phác chú giải rằng: huệ là hiểu rõ thông suốt. Sách Văn Tự Điển nói rằng: từ bộ hắc thanh kiết.

Mao phát: Ngược lại âm trên là mạc bao. Chuẩn nghĩa kinh đúng hợp là viết một chữ mao. Nay kinh văn viết từ bộ tiêu viết thành chữ mao ngược lại âm tuấn nhau. Nghĩa quái lạ chẳng phải ý kinh.

KINH VÔ THƯỢNG Y QUYỂN HẠ

Khanh khảm: Ngược lại âm trên là dung canh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khanh là khu đất hoang. Quách Phác chú giải rằng: gọi là hào sâu bao quanh khu đất hoang. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: khanh là hố sâu, từ bộ thổ thanh kháng, hoặc là viết từ bộ phủ viết thành chữ khanh, cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là khả cảm. Sách Chu Dịch cho rằng: khảm là hố sâu. Bì Thương cho rằng: khảm cũng là khanh. Sách Thuyết Văn cũng đồng sách Chu Dịch cho rằng: từ bộ thổ thanh khảm. Kinh văn viết từ bộ thao, ngược lại âm tha lao. Lại viết khảm là nghĩa dấu vết của bánh xe lăn, chẳng phải ý kinh nay không dùng.

Cốc vông: Ngược lại âm trên là công cốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: bầu gỗ tròn giữa bánh xe, ngày xưa để trục xuyên qua bánh xe; chữ viết từ bộ xa đến bộ cốc thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là vũ phòng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: vông là vành lốp xe. Âm cự là âm cự, chữ viết từ bộ xa thanh vông.

Dung trực: Ngược lại âm trên long long. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: dung là quân đều. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: gọi là

bình đẳng. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: quân đều ngay thẳng; chữ viết từ bộ nhơn thanh dung. Kinh văn viết từ bộ nhơn thanh dung. Kinh văn viết từ bộ nguyệt viết thành chữ dung, cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Túc cân: Ngược lại âm dưới là cần ân. Thích Danh cho rằng: gót chân phía sau gọi là cân. Sách Thuyết Văn cho rằng: gót chân, chữ viết từ bộ túc thanh cân.

Y di: Ngược lại âm trên ký ky. Thế Bồn cho rằng: hồ táo may làm áo. Tống Trung cho rằng: tôi thân của Hoàng đế. Bạch Hồ Thông cho rằng: ẩn giấu cái áo, thân hình ẩn trong áo. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo là chỗ dựa áo trên gọi là y, dưới gọi là thường. Chữ viết từ bộ nhập giống hình che đậy hai người. Địch Thư cho rằng: viết chữ y này là sai, viết lược. Ngược lại âm dưới dĩ y. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cần âm, thận trọng là âm trà bỉ như chữ di Trịnh Tiễn cho rằng: ngọt giống như di tức là kẹo mạch nha. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy lúa gạo ủ mộng rang mà làm kẹo mạch nha; chữ viết từ bộ thực thanh di.

Nhuuyễn mỹ: Ngược lại âm trên nhi diễn. Sách Khảo Công ký ghi rằng: muốn cho thân hình mềm mại đẹp trơn lấy mỡ dầu mật bôi lên tức là mềm nhuyễn. Bì Thương cho rằng: nhuyễn là mềm yếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đại thanh nhi. Kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ nhục, âm nhu, tức là ẩm ướt chẳng phải nghĩa của kinh.

Nhân kiểm: Ngược lại âm dưới kiếp nghiêm. Sách Văn Tự Lập ghi rằng: kiểm là da ngoài của con mắt, tức là mí mắt. Sách Văn Tự Điển nói: chữ viết từ bộ mục thanh kiểm.

Vô hài: Ngược lại âm dưới hồ cai. Quảng Nhã cho rằng: là xấu, ác, thô bỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ thanh cai. Kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ hài nghĩa là ngón chân cái, chẳng phải ý của kinh.

Ủy tha: Ngược lại âm là đạt hà. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tha tha gọi là bình dị, đơn giản. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: mỹ đức đẹp, cao quý. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: cũng gọi là ủy khúc là dáng mạo tự đắc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nhơn thanh tha, kinh văn viết chữ đà là chẳng phải.

Tiếp tậ: Ngược lại âm trên là tiềm tiếp. Theo Tả Thi truyện cho rằng: tiếp rất mau chóng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là mau, như là chỉ cho thời gian một chốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tiếp, âm tiếp, ngược lại âm tử diệp.

Trọng đảm: Ngược lại âm dưới đảm lẫm. Lấy thanh gỗ xỏ ngang

vật mà gánh lên. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: đảm là gánh vác; chữ viết từ bộ thủ thanh đảm.

PHẬT THUYẾT KINH QUYẾT ĐỊNH TỔNG TRÌ

Tuệ Lâm soạn.

Hà tỳ: Ngược lại âm trên hạ da. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hà đố cũng giống như có lỗi. Quảng Nhã cho rằng: là viên ngọc dơ uest. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc thanh hà, ngược lại âm dưới là tự tư. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: là viên ngọc có tỳ vết. Lưu Triệu cho rằng: tên của người, âm hoàn, ngược lại âm ngôn kiến. Lại chú giải kinh Dịch rằng: tỳ hà là viên ngọc có tỳ vết. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: viên ngọc có tỳ vết, chữ viết từ bộ tậ, ngược lại âm nữ cách, đây cũng là thanh.

Huỳnh hỏa: Ngược lại âm trên là hồi quynh. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: quynh là con đom đóm, ban đêm nó bay đi dưới bụng nó có ánh lửa chớp sáng. Sách Lễ Ký cho rằng: ở trong cỏ mục hóa làm con đom đóm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng đến bộ diểm, thanh tĩnh.

Đức khải: Ngược lại âm dưới là khai cải. Sách Văn tự Tập lược cho rằng: dùng kim loại làm da che thân gọi là khải. Sách Thuyết Văn cho rằng: áo giáp chữ viết từ bộ kim đến bộ khải thanh tĩnh.

Khí quyên: Ngược lại âm trên là khinh dị. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khí là phế bỏ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khí là quên bỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: khí là trừ bỏ, chữ viết từ bộ củng củng, ngược lại âm thôi hoa, âm bác tức là âm thổ cốt. Lại cho rằng: đưa con xấu ác, cho nên trừ bỏ đi, chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là duyệt uyên. Sách Trang Tử cho rằng: đi trừ bỏ đánh dẹp nước khác, vẫn thường hay dùng. Sách Sở Từ cho rằng: quyên cũng giống như khí nghĩa loại bỏ trừ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh quyên, âm quyên ngược lại âm nhuế duyên.

Trì sinh: Ngược lại âm trên, ngược lại âm dưới là xích lĩnh. Quảng Nhã cho rằng: sinh trì là chạy nhanh phi nhanh. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: sinh cũng gọi là chạy. Sách Thuyết Văn cho rằng: sinh là ngựa phi nước đại cũng gọi là chạy thẳng. Hai chữ trì sinh đều từ bộ mã, đều thanh sinh âm sinh ngược lại âm thất đình.

Khiêm tổn: Ngược lại âm dưới tôn thốn, Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tổn là thuận theo. Hà Yến Tập chú giải sách Luận ngữ rằng: tổn là cung kính. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh tôn.

Xà ngoan: Ngược lại âm là xạ giá. Sách Khảo Thanh cho rằng: loài côn trùng độc. Sách Thuyết Văn cho rằng: là loài rắn độc, cũng gọi là tha, âm tha, ngược lại âm tha. Người xưa nói rằng: gọi con rắn là tha tức (nó) cho nên ở trong hang ổ là sợ rắn. Tương truyền rằng: ban đêm tối không có nó kêu lên tức là rắn. Chữ viết từ bộ trùng thanh dã, ngược lại âm dưới ngoan hoàn. Trịnh Huyền chú giải trang sách Lễ Ký rằng: loài rắn ngoan xà đó là thân nó dài ba-bốn thước, có bốn chân, hình nó giống như con thỏ cung, tầm quyển loại bò cạp có kim nhọn rất bén như dao, rất độc ác, nó chạm vào người không tới nửa ngày thì chết ngay. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh ngoan.

Độc thích: Ngược lại âm dưới thư diệc. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài côn trùng đi gây độc hại, chữ viết từ bộ trùng thanh thích.

KINH BÁNG PHẬT - *Tuệ Lâm soạn.*

Thái nữ: Ngược lại âm sai tế. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: hội đủ năm màu sắc để vẽ gọi là thái. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: năm sắc thái sáng rõ cho vào năm màu sắc khác gọi là bức vũ màu sắc sặc sỡ; chữ viết từ bộ mịch thanh thái. Kinh văn viết bộ nữ viết thành chữ thái là chẳng phải.

A-xa-ba-đề: tiếng Phạn, ngược lại âm đình lễ.

Ba-la-mật kính: tiếng Phạn. Ngược lại âm dưới kinh định.

PHẬT THUYẾT KINH BẢO TÍCH TAM MUỘI - *Tuệ Lâm soạn.*

Tích lịch trung: Ngược lại âm trên bệ hịch. Ngược lại âm dưới lễ-để, tiếng Phạn đọc sai, đúng gọi là tốt-địch-đa. Đường Huyền Trang gọi là ngã quý.

Bất luy: Ngược lại âm lực truy. Sách văn Tự Điển nói rằng: liệt nhược, yếu mềm, gầy ốm; chữ viết từ bộ dương thanh luy, âm luy ngược

lại âm loa ngoạ.

Hằng-biên-sa: tiếng Phạn. Triều Tấn xưa dịch kinh rằng: hằng hà biên sa, tức là các kinh gọi là hằng-hà-sa vậy, cũng gọi là ngạc-già-hà. Ở Tây Vực cho rằng: tên của một con sông, âm ngạc ngược lại âm nghi cạnh.

Quái ngại: ngược lại âm trên hồ ngỗa, ngược lại âm dưới là ngũ cái.

